

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 /9 /2023

V/v: "Kiện xin ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Đức Bản

Bà Đặng Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2023/TLST - HNGĐ ngày 20/7/2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2023/QĐST – HNGĐ ngày 14/9/2023, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N - sinh năm 1964;

Nơi đăng ký HKTT tại: Tổ dân phố 3 Phường X, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ cần báo: Bà Lương Thị V - Tổ 4, Tổ dân phố 1, phường Bắc L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Bà Nguyễn Thị Kim N có mặt.

*- Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1958; Nơi đăng ký HKTT tại: Tổ dân phố 3 Phường X, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ cần báo: Trường Cao đẳng Luật miền T, Tổ dân phố 6, phường Bắc L, TP Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Ông Nguyễn Văn P vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/6/2023, nộp tại Tòa án cùng ngày, được bổ sung tại bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn P đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Đồng S, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình vào

ngày 24/7/1986, kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà về sống chung tại Tổ dân phố 3, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Trong cuộc sống, vợ chồng luôn xảy ra bất đồng về quan điểm, lối sống, mâu thuẫn nặng nề vì không ai yêu thương ai, vợ chồng suốt ngày cãi vã. Hai bên ông bà đã không còn sự quan tâm, tôn trọng lẫn nhau. Ông bà đã sống ly thân gần chục năm nay và bà N đã dọn ra ở riêng gần bốn năm nay. Hiện ông P đang sinh sống tại Tổ dân phố 3 Phường X, phường Bắc N cùng vợ chồng người con cả của ông bà.

Nay bà N không còn tình cảm với chồng nữa vì ông P không yêu thương, quan tâm, tôn trọng bà, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyện vọng của bà là xin được ly hôn ông P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà N thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng ông bà có hai con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh năm 1987 và cháu Nguyễn Đức L, sinh năm 1991. Hiện các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung để vợ chồng bà tự thỏa thuận.

**\*Về bị đơn ông Nguyễn Văn P:**

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 8 năm 2023 ông P trình bày: Về quan hệ hôn nhân: “Chúng tôi đăng ký kết hôn, sau một thời gian chung sống cô Nguyễn Thị Kim N lao vào tệ nạn xã hội. Sau nhiều lần, nhiều năm không sửa chữa, xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nay tôi đồng ý ly hôn”.

Về quan hệ con chung: “Chúng tôi có hai con chung và các con đã lớn nên chúng tôi không yêu cầu giải quyết con chung”.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà cấp 4 đã thế chấp Quỹ tín dụng nhân dân Đức N... Hiện tại tôi và vợ chồng con trai là Nguyễn Đức P đang sử dụng. Hiện nay vợ chồng tôi không có yêu cầu chia tài sản chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, gửi giấy triệu tập cho các bên đương sự, tiến hành hai phiên hòa giải. Ông P chỉ gửi đến Tòa án bản tự khai nhưng không đến làm việc theo các giấy triệu tập phiên hòa giải của Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Ông P đã ký nhận trực tiếp các văn bản tố tụng. Bị đơn ông P không đến tham gia phiên hòa giải theo giấy triệu tập nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn. Về con chung: các con đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu giải quyết con chung; Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bà N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; là nơi bị đơn ông Nguyễn Văn P có đăng ký nhân khẩu thường trú: phường Bắc N, thành phố Đồng H. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, thông báo về phiên hòa giải, tiếp cận chứng cứ. Ông P chỉ gửi bản tự khai trình bày ý kiến đến Tòa án nhưng không đến làm việc theo các giấy triệu tập phiên hòa giải của Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Ông P đã ký nhận trực tiếp các văn bản tố tụng. Bị đơn ông P không đến tham gia phiên hòa giải theo giấy triệu tập nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định. Ngày 14/9/2023 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, bị đơn ông Nguyễn Văn P vắng mặt lần thứ nhất không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 135 /2023/ QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2023 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 30/9/2023 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn P vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; đã được tổng đạt trực tiếp và có ký nhận của ông Nguyễn Văn P đã nhận văn bản tố tụng Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn P đều vắng mặt trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 68, 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn P.

## **[2] Về nội dung tranh chấp:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Bà N và ông P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp; ông bà đã có thời gian khá dài chung sống; lẽ ra ông bà phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng, tin tưởng nhau cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại ông bà không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, cuộc sống chung vợ chồng trong nhiều năm gần đây luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng trong cách sống, cách xử sự với nhau, thiếu tin tưởng nhau, từ đó vợ chồng có những lời nói và hành động tổn thương đến tình cảm vợ chồng. Không ai quan tâm đến ai, thiếu bàn bạc thống nhất vợ chồng, tình cảm vợ chồng mất mát dần. Mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài từ nhiều năm nay nhưng hai bên không thể khắc phục và ngày càng căng thẳng do không tìm được tiếng nói chung; đã nhiều năm nay vợ chồng sống ly thân không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ

vợ chồng trong thực tế đời sống. Đến nay bà N không còn tình cảm với chồng nữa vì ông P không yêu thương, tôn trọng bà.

Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn, ông P biết rõ vụ kiện nhưng cũng không có ý gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc, ông cũng không mong muốn được Tòa án hòa giải, thể hiện ở việc ông P không đến tham gia các phiên họp, làm việc, hòa giải mà Tòa án triệu tập. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho bà N được ly hôn ông P là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

## **[2.2] Về quan hệ con chung:**

Bà N và ông P đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng ông bà có hai con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh năm 1987 và cháu Nguyễn Đức L, sinh năm 1991. Hiện các con của ông bà đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[2.3] Về chia tài sản và nợ chung:** Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung, để vợ chồng bà tự thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

## **[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001605 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

**[4]** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn ông Nguyễn Văn P.

**2. Về quan hệ con chung:**

Bà N và ông P đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng ông bà có hai con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh năm 1987 và cháu Nguyễn Đức L, sinh năm 1991. Hiện các con của ông bà đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước. Số tiền bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số 31AA/2021/0001605 ngày 17 tháng 7 năm 2023. Bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30 /9/2023); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND p Đồng S, tp Đ.H, tỉnh QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thanh Hoa**